TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày 29-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.Ông Phan Văn N, sinh năm 1983 (có mặt)
Căn cước công dân số 096083003225
2.Bà Đặng Thị M, sinh năm 1978 (có mặt)
Căn cước số 091178004984
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TTĐ, xã TP, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1.Bà Nguyễn Thị B (vắng mặt)
2.Ông Nguyễn Văn P (vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TTĐ, xã TP, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2025 cũng như tại phiên tòa ông Phan Văn N, bà Đặng Thị M cùng thống nhất trình bày:*

Do quen biết và có mối quan hệ bà con nên vợ chồng ông N, bà M và vợ chồng bà B, ông P có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do vợ chồng ông N, bà M làm chủ, cụ thể như sau:

-Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/9/2017 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 21 chưng, vợ chồng bà B, ông P tham gia 02 chưng. Vợ chồng bà B, ông P hốt chưng thứ nhất vào kì thứ 4 vào ngày 30/12/2017 âm lịch với số tiền 42.860.000 đồng; chưng thứ hai hốt kì thứ 6 ngày 30/02/2018 âm lịch với số tiền 43.500.000 đồng. Vợ chồng bà B, ông P đóng hụi còn nợ lại số tiền 14.000.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2019 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm 20 chưng, vợ chồng bà B, ông P tham gia 01 chưng. Vợ chồng bà B, ông P hốt hụi kì thứ nhất vào ngày 20/3/2019 âm lịch với số tiền 46.000.000 đồng. Vợ chồng ông P, bà B đóng hụi đến kì thứ 6 thì ngưng đóng hụi. Hiện vợ chồng bà B, ông P còn nợ lại 13 kì với số tiền 39.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào tháng 10/2018 vợ chồng bà B, ông P có vay của vợ chồng bà M, ông N số tiền 10.000.000 đồng nhưng không tính lãi suất.

Tổng số tiền hụi và vay vợ chồng bà B, ông P còn nợ là 63.000.000 đồng. Thời gian qua vợ chồng bà B, ông P có thanh toán được số tiền hụi là 4.500.000 đồng, còn nợ lại 58.500.000 đồng. Vì vậy vợ chồng bà M, ông N yêu cầu vợ chồng bà B, ông P có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền hụi và vay còn nợ là 58.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phan Văn N và bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ thanh toán nợ hụi và vay nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản; Bà B và ông P có địa chỉ cư trú tại ấp TTĐ, xã TP, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M, ông N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bà B, ông P không có văn bản ý kiến đối

với yêu cầu của bà M, ông N và vắng mặt khi hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B, ông P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà M, ông N yêu cầu bà B, ông P thanh toán cho ông bà tổng số tiền nợ là 58.500.000 đồng, trong đó tiền vay là 10.000.000 đồng, hụi là 48.500.000 đồng.

[4] Xét thấy yêu cầu của bà M, ông N là có cơ sở. Bởi vì khi vợ chồng bà B, ông P tham gia góp hụi có danh sách hụi viên**.** Quá trình tham gia hụi và vay tài sản bà B, ông P còn nợ số tiền hụi và vay là 58.500.000 đồng là phù hợp với xác nhận của người làm chứng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng bà B, ông P nhưng ông bà không có ý kiến bằng văn bản, từ chối nhận văn bản và vắng mặt tại phiên tòa giải, xét xử không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà B, ông P có nghĩa vụ thanh toán cho ông N, bà M tổng số tiền hụi và vay còn nợ lại là 58.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông P phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P có nghĩa thanh toán cho bà Đặng Thị M và ông Phan Văn N tổng số tiền hụi và vay còn nợ là 58.500.000 đ (Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) (trong đó tiền vay là 10.000.000 đồng, hụi là 48.500.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đặng Thị M và ông Phan Văn N (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn P phải nộp 2.925.000*(Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Bà Đặng Thị M và ông Phan Văn N không phải chịu án phí. Vào ngày 21/10/2025 ông bà có dự nộp 1.463.000 đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0002711 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thắng – Lê Thị Duyên **Nguyễn Kiều Trang**